

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2020/HS-ST
Ngày: 01-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Nguyệt và Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/HSST-QĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang K, sinh năm 1990; Tại: Bình Thuận; Nơi cư trú: KP 1, TTLT, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Quang V, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị TA, sinh năm 1972; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 18/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Có vợ là Lê Thị TD, sinh năm 1992 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2015; Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Tánh Linh theo bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 18/8/2020. Có mặt.

2. Đỗ Văn N, sinh năm 2000; Tại: Bình Thuận; Nơi cư trú: T2, xã B, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn N, sinh năm 1966 và bà Lê Thị B, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: Không; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo hiện đang bị áp

dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” số 64/2020/HSST-LCCT ngày 20/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lê Thị B2, sinh năm 1969; Nơi cư trú: T2, xã B, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: T5, xã 9, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Lê Minh B52, sinh năm 1984; Nơi cư trú: T5, xã 9, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3. Trần Thị Th. T, sinh năm 2002; Nơi cư trú: T1, xã 12, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Lê Quang K (Nhí) đi làm thuê tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được trả tiền công, trong đó có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Trên đường về nhà, K ghé một quán nước tại thị trấn Z, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận uống nước và dùng tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng mua bột lửa của một người đàn ông (không rõ nhân thân) bán hàng rong thì người đàn ông không đồng ý và nói cho K biết tờ tiền K đưa là giả vì có màu sắc nhạt, không trơn bóng như tiền thật. Biết tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là giả nhưng K vẫn đem về nhà cất vào trong tủ quần áo. Đến tháng 01 năm 2020, khi dọn tủ quần áo thấy tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng nên K lấy bỏ vào trong ví và thường xuyên mang theo trong người. Chiều ngày 21/4/2020, K điều khiển xe mô tô chở Đỗ Văn N ghé vào một quán tạp hóa tại xã Y, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận mua thuốc lá. Trong khi K lấy tiền ra để thanh toán tiền thuốc lá thì N phát hiện trong ví của K có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng màu sắc nhạt. Nghi ngờ K mang theo tiền giả nên trên đường về nhà, N hỏi K có phải tờ tiền 500.000 đồng là giả không thì K không trả lời.

Khoảng 21 giờ cùng ngày 21/4/2020, K đem theo tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng bỏ trong ví rồi gọi điện thoại cho N rủ N đi uống cà phê, N đồng ý. Lúc này, N cùng bạn gái là Trần Thị Th. Th nên Nam rủ Th cùng đi. Khi đi, N điều khiển xe mô tô của Th chở Th còn K thì điều khiển xe mô tô hiệu NOUVO, biển số 86B7-055.50 của gia đình rồi cùng đi đến quán cà phê Tuấn Khanh tại thôn M, xã H thì quán đóng cửa nên K và N quay về. Khi đến khu vực tượng đài xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, N nói với Th là K có đem theo tiền giả, Th sợ liên lụy nên điều khiển xe mô tô của mình về nhà, còn N qua xe mô tô của K. Sau đó, K điều

khuyến xe mô tô biển số 86B7-055.50 chở N đến quán cà phê “XYZ” do anh Lê Minh B52 làm chủ. Sau khi vào quán, K, N gọi 01 ly cà phê đá, 01 ly cà phê sữa và 01 gói thuốc lá hiệu Caraven rồi cùng ngồi tại bàn phía trong uống cà phê. Khoảng 30 phút sau, K lấy tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đưa cho N nói N dùng thanh toán tiền cà phê. Thấy tờ tiền K đưa giống với tờ tiền trong ví K khi K mua thuốc lá lúc chiều, N biết đây là tiền giả nên hỏi: “*lấy tờ tiền này trả luôn hả anh?*”, K nói: “*trả luôn, không sao đâu,*”. Nhằm tránh bị phát hiện, K kẹp tờ tiền giả vào ví rồi đưa cho N. Sau đó, K điều khiển xe mô tô chở N ra quầy thanh toán. N lấy tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng trong ví đưa cho chị Nguyễn Thị T1 (là vợ của anh B52) để thanh toán tiền cà phê, thuốc lá. Chị T1 tính hết 47.000 đồng nên đưa lại cho N 453.000 đồng (gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng). Sau khi N nhận số 453.000 đồng chị T1 đưa, K điều khiển xe mô tô chở N ra về. Khi về đến trước nhà N, N đưa lại ví tiền cho K, K lấy 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng cho N.

Sau khi N, K ra khỏi quán, chị T1 đưa cho anh B52 một số tiền lẻ cùng tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng do N thanh toán trước đó. Cảm tờ tiền 500.000 đồng chị T1 đưa, anh B52 nghi ngờ là giả vì có màu nhạt, không trơn bóng, anh B52 hỏi ai là người đưa tiền, chị T1 nói là tiền của hai thanh niên vừa ra khỏi quán. Ngay sau đó, anh B52 đã gọi điện thoại cho Công an xã 9, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận trình báo sự việc. Khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày, Công an xã 9 đã đến quán cà phê “XYZ” lập biên bản ghi nhận sự việc và tạm giữ 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, số seri: TF17534151 do anh Lê Minh B52 giao nộp.

Khoảng 09 giờ 55 phút ngày 22/4/2020, Công an xã 9 đem tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, có số seri: TF17534151 đến Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận để kiểm tra thì xác định đây là tiền giả. Qua xác minh xác định Lê Quang K và Đỗ Văn N đã đến quán cà phê XYZ uống cà phê tối 21/4/2020 và dùng tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, số seri: TF17534151 để thanh toán nên Công an xã 9 đã mời Nam, K làm việc thì cả hai thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Kết luận giám định số 453/KLGD-PC09 ngày 12/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: *01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số seri: TF17534151 là giả.*

+ Vật chứng trong vụ án:

- 01 tờ tiền giả polyme in mệnh giá 500.000 đồng, có số seri: TF17534151 và hình Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặt sau in chữ “NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM” được niêm phong trong phong bì màu trắng, trên phong bì có chữ ký của Giám định viên Trịnh Đức Nghĩa; ông Nguyễn Quốc Việt, ông Lê Minh B52,

Nguyễn Hoàng Sang được đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận và dấu của Công an xã 9.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu NOUVO, biển số 86B7-055.50 qua điều tra xác định xe do em ruột của Lê Quang K là Lê Thị MN đứng tên trên giấy đăng ký xe. Khi MN đi xuất khẩu lao động thì có để lại chiếc xe này cho gia đình K sử dụng. Tối ngày 21/4/2020, K lấy xe mô tô 86B7-055.50 đi, gia đình K không biết nên không tạm giữ để xử lý.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị B2 là mẹ của Đỗ Văn N đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 500.000 đồng. Chị T1 nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSBT-P1 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Lê Quang K về tội: “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”, truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự.

- Tại Quyết định phân công Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự số 02/QĐ/VKSBT-P1 ngày 09/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đã phân công Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử đối với vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh: Giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Quang K về tội: “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”, truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Lê Quang K: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Quang K mức án từ 36 tháng đến 40 tháng tù;

Đối với bị cáo Đỗ Văn N: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho chị Nguyễn Thị T1, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là hộ cận nghèo, phạm tội lần đầu; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư

trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo; Đề nghị Hội đồng áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

- *Ý kiến của các bị cáo:*

Bị cáo Lê Quang K: Không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị cho bị cáo Đỗ Văn N được hưởng án treo.

Bị cáo Đỗ Văn N: Không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- *Ý kiến của bà Lê Thị B2:* Không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đỗ Văn N.

- *Ý kiến của bà Nguyễn Thị T1 :* Không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đề nghị xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra - Công an tỉnh Bình Thuận, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Lê Quang K và Đỗ Văn N đều khai nhận toàn bộ hành vi như Bản cáo trạng đã quy kết: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan an ninh điều tra; Bản kết luận định giám định; vật chứng đã thu giữ trong vụ án; phù hợp lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Năm 2018, Lê Quang K (Nhí) đi làm thuê tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được trả tiền công, trong đó có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là tiền giả. Mặc dù biết rõ tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là tiền giả nhưng K không trình

báo cơ quan chức năng mà vẫn giữ nhằm mục đích khi nào có dịp sẽ sử dụng.

Khoảng 21 giờ ngày 21/4/2020, K mang theo tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng cất trong ví rồi rủ Đỗ Văn N đi uống cà phê, Nam đồng ý. Trên đường đi, N biết rõ việc K mang theo tờ tiền giả nhưng vẫn không có ý kiến gì. K và N đến quán cà phê XYZ tại T5, xã 9, huyện Tánh Linh do anh Lê Minh B52 làm chủ uống cà phê. Sau khi uống cà phê xong, K đưa cho N tờ tiền giả để tính tiền cà phê, nhằm tránh bị chủ quán phát hiện, K kẹp tờ tiền giả vào ví rồi đưa cho N. N biết rõ tờ tiền K đưa là tiền giả nhưng vẫn dùng tờ tiền này tính tiền cà phê và thuốc lá hết 47.000 đồng. Chị Nguyễn Thị T1 (là vợ của anh B52) do không biết là tiền giả nên đã đưa lại cho N 453.000 đồng. K và N rời quán cà phê để về nhà. Khi về đến nhà thì K đưa cho N 100.000 đồng.

Sau khi K và N rời khỏi quán, qua kiểm tra anh B52 phát hiện nghi là tờ tiền giả nên đã trình báo Công an xã 9 đồng thời giao nộp tờ tiền nghi là tiền mệnh giá 500.000 đồng. Quá trình xác minh, Công an xã 9 nghi ngờ K và N sử dụng tiền giả để thanh toán tiền cà phê, thuốc lá nên mời về trụ sở Công an làm việc, tại đây K và N khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả là vi phạm pháp luật, mặc dù biết rõ là tiền giả nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo Lê Quang K đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”; Hành vi của bị cáo Đỗ Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lưu hành tiền giả”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý tài chính, trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ. Do đó, xét thấy cần thiết phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, bị cáo Lê Quang K và Đỗ Văn N phạm tội với vai trò đồng phạm, trong đó bị cáo K có vai trò là người cầm đầu, khởi xướng, rủ rê, còn bị cáo N là người trực tiếp thực hiện hành vi và là người giúp sức tích cực. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1 Đối với bị cáo Lê Quang K: Bị cáo có quá trình nhân thân xấu, bị cáo

đang bị điều tra về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” nhưng lại phạm tội khác với tính chất, mức độ hành vi ngày càng nguy hiểm hơn; Tuy nhiên lần phạm tội này xảy ra trước khi bị kết án nên thuộc trường hợp được coi là không có án tích, do đó cần thiết phải xử lý nghiêm nhằm răn đe giáo dục bị cáo; Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ - Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

4.2 Đối với bị cáo Đỗ Văn N: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án tiền sự, trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, bị cáo đã tác động gia đình trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo Đỗ Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương; do đó xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu NOUVO, biển số 86B7-055.50 qua điều tra xác định chiếc xe không liên quan đến vụ án, Cơ quan an ninh điều tra không thu giữ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 tờ tiền giả polyme in mệnh giá 500.000 đồng, có số seri: TF17534151 và hình Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặt sau in chữ “NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM” được niêm phong trong phong bì màu trắng, trên phong bì có chữ ký của Giám định viên Trịnh Đức Nghĩa; ông Nguyễn Quốc Việt, ông Lê Minh B52, Nguyễn Hoàng Sang được đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận và dấu của Công an xã 9; Xét đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy; Vật chứng nêu trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2020.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị B2 là mẹ của Đỗ Văn N đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 500.000 đồng. Chị T1 nhận tiền và không yêu cầu gì

thêm. Tại phiên tòa, bà B và chị T1 không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo Lê Quang K và Đỗ Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lê Quang K (Nhí) phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”;

Bị cáo Đỗ Văn N phạm tội “Lưu hành tiền giả”;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lê Quang K 03 (*ba*) năm tù; Tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 (*mười*) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ trong vụ án khác, ngày 25/5/2020 nhưng được khấu trừ thời gian đã chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 207; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật hình sự về án treo;

Xử phạt: Đỗ Văn N 03 (*ba*) năm tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 60 (*sáu mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án 01/12/2020.

Giao bị cáo Đỗ Văn N cho Ủy ban nhân dân xã 9, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Đỗ Văn N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã 9, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 tờ tiền giả polyme in mệnh giá 500.000 đồng, có số seri: TF17534151 và hình Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặt sau in chữ “NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM” được niêm phong trong phong bì màu trắng, trên phong bì có chữ ký của Giám định viên Trịnh Đức Nghĩa; ông Nguyễn Quốc Việt, ông Lê Minh B52, Nguyễn Hoàng Sang được đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận và dấu của Công an xã 9; Vật chứng nêu trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2020.

3. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Quang K và Đỗ Văn N mỗi người phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/12/2020).

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Đỗ Văn N.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Cơ quan an ninh điều tra - Công an tỉnh Bình Thuận (Phòng PA09);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Cơ quan CSĐT - Công an Tánh Linh;
- Cơ quan THAHS và HTTP - Công an Tánh Linh;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã 9, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (thay thông báo, giám sát giáo dục);
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng (để tổng đạt);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Bình